

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 8 - 2025

V/v Không công nhận vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Lành Văn Huế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Thanh Thịnh.

2. Bà Dương Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Bích Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025, về việc Không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị P, sinh năm 1981. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn P, xã N, tỉnh Lạng Sơn.

Căn cước công dân số: 020181002819. Ngày cấp 09/5/2021. Nơi cấp: Cục C1 về TTXH Bộ C2.

2. *Bị đơn:* Anh Dương Công T, sinh năm 1979. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn P, xã N, tỉnh Lạng Sơn.

Căn cước công dân số: 020079002789. Nơi cấp: Cục C1 về TTXH Bộ C2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Hoàng Thị P trình bày như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị P và anh Dương Công T trước khi về chung sống với nhau được tìm hiểu yêu nhau, sau đó tự nguyện về ở với nhau không bị ai ép buộc, được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo tập quán và về chung sống với nhau từ năm 1998, nhưng do không hiểu biết pháp luật nên không đi đăng ký kết hôn. Sau khi tổ chức lễ cưới, chị P và anh T ra ở riêng sống tại thôn P, xã N, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã N) và có sinh được 01

người con chung nay đã trưởng thành. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống với nhau hạnh phúc, được một thời gian sau vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do thường xuyên cãi nhau, trong thời gian con còn nhỏ hay ốm chị P không đi làm được, anh T thường xuyên say rượu không lo làm ăn, khi chị P khuyên bảo thì anh T đánh đập và đuổi chị P ra khỏi nhà, nhiều lần như vậy chị P vẫn bỏ qua, cố gắng hàn gắn vì con. Tuy nhiên anh T không thay đổi, luôn tìm cách đánh đập vợ con, bản thân chị P và con không chịu đựng được nữa nên đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2013 và vợ chồng cũng sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm gì nhau. Kể từ ngày sống ly thân anh T không quan tâm gì đến con và cũng không gửi tiền giúp chị P để nuôi con, sau khi ly thân được 01 năm anh T đã đưa người phụ nữ khác về chung sống tại nhà riêng của chị P và anh T xây dựng. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị P yêu cầu tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng với anh Dương Công T.

2. Về con chung: Có 01 người con chung tên là Dương Công Đ, sinh ngày 04/7/1999, nay đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Dương Công T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Công T và chị Hoàng Thị P tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ tháng 11 năm 1998. Do không hiểu biết nên hai anh chị không đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã. Trước khi tổ chức lễ cưới anh T và chị P được tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau không bị ai ép buộc. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn, vẫn sống với nhau bình thường, cho đến năm 2010 phát sinh mâu thuẫn do anh T đi làm ăn xa, chị P ở nhà thì có quan hệ ngoại tình với người khác, anh T đã khuyên bảo bỏ qua nhiều lần nhưng chị P không thay đổi. Hai bên gia đình biết chuyện cũng có khuyên bảo, hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được, anh T và chị P đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay chị P yêu cầu không công nhận vợ chồng thì anh T đồng ý với yêu cầu của chị P.

2. Về con chung: Có 01 người con chung tên Dương Công Đ, sinh ngày 04/7/1999. Hiện nay, cháu Đ đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tại phiên họp chị Hoàng Thị P và anh Dương Công T đều ý kiến không tiến hành hòa giải vì hai anh chị không có đăng ký kết hôn, không có con dưới 18 tuổi và không có tài sản chung, nợ chung. Tại đơn xin xét xử vắng mặt của chị Hoàng Thị P và anh Dương Công T vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày theo bản tự khai và biên bản lấy lời khai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án các đương sự đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự như: Thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân đề nghị: Không công nhận là vợ chồng đối với chị Hoàng Thị P và anh Dương Công T.

Về con chung: Do cháu Dương Công Đ, sinh ngày 04/7/1999, đã trưởng thành nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự trình bày là không có nên không đề nghị xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn chị Hoàng Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định để sung ngân sách Nhà nước.

Về thiếu sót, kiến nghị: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập phiên tòa hợp lệ cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Hoàng Thị P và bị đơn anh Dương Công T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt các đương sự đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Hoàng Thị P khởi kiện yêu cầu giải quyết không công nhận là vợ chồng với anh Dương Công T. Vì vậy quan hệ pháp luật là "Không công nhận vợ chồng" theo khoản 8 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Dương Công T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã N tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, Thông báo mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; về con chung, tài sản chung và nợ chung chị Hoàng Thị P và anh Dương Công T đều xác định không có và không yêu cầu hòa giải nên không tiến hành hòa giải.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị P và anh Dương Công T tổ chức hôn lễ vào năm 1998 và về chung sống với nhau như vợ chồng. Tuy nhiên, anh chị không đi đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương theo quy định, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị C Hoàng Thị P và anh Dương Công T là bất hợp pháp, không được pháp luật công nhận. Mặc dù chị C Hoàng Thị P và anh Dương Công T không có đăng ký kết hôn nhưng đã chung sống với nhau như vợ chồng trong nhiều năm. Trong quá trình chung sống vợ chồng bắt đầu phát sinh

mâu thuẫn do anh chị thường xuyên cãi nhau, trong thời gian con còn nhỏ hay ốm chị Hoàng Thị P không đi làm được, anh Dương Công T thường xuyên say rượu không lo làm ăn, khi chị Hoàng Thị P khuyên bảo thì anh Dương Công T lại đánh đập và đuổi chị P ra khỏi nhà, nhiều lần như vậy, đến năm 2013 chị Hoàng Thị P đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng cũng sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm gì nhau. Tại bản tự khai của chị Hoàng Thị P, anh Dương Công T cùng xác định không còn tình cảm vợ chồng để tiếp tục chung sống và cùng yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận vợ chồng. Như vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng không đi đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Quyền và nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo Điều 15 và Điều 16 Luật hôn nhân và gia đình”* và khoản 1 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: *“Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng”*. Do chị Hoàng Thị P và anh Dương Công T sống chung với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn theo quy định và đã sinh được một người con chung. Do vậy, yêu cầu của chị Hoàng Thị P là có căn cứ chấp nhận nên Hội đồng xét xử cần không công nhận là vợ chồng đối với chị Hoàng Thị P và anh Dương Công T.

[4] Về con chung: Có một người con tên là Dương Công Đ, sinh ngày 04/7/1999, đã trưởng thành và phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết;

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Hoàng Thị P và anh Dương Công T đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Hoàng Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung ngân sách Nhà nước.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, 53, 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Không công nhận vợ chồng giữa chị Hoàng Thị P và anh Dương Công T.

2. Con chung: Không xem xét giải quyết.

3. Tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Xác nhận chị Hoàng Thị P đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo biên lai thu số: 0000013 ngày 15/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Hoàng Thị P và bị đơn anh Dương Công T đều vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 3- Lạng Sơn;
- THADS tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Nhất Hòa, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lành Văn Huế

